

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2026/DS-PT

Ngày: 28/5/2026

V/v: “*Tranh chấp dân sự
về hợp đồng ủy quyền, hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Dạm
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 03 năm 2026 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 300/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 925/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 04 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 750/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nay là: Ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 24/6/2025 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nay là: Ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Phan Thanh T**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số F B, phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số F B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2. Trần Thị Bạch V, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số G đường N, khu phố D, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Nay là: Khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của Trần Thị Bạch V: Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nay là: số 280/1 ấp H, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Theo giấy ủy quyền ngày 08/3/2024 (có mặt).

3.3. Văn phòng C.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Phú M**. Địa chỉ: Số A đường N, khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Nay là: Số A đường N, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L là chị Phan Thị Ngọc N trình bày:*

Bà là cô của anh Nguyễn Thành Đ nên bà L có chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp) cho anh Nguyễn Thành Đ, bà L có nhờ ông Đ giúp bà L thực hiện thủ tục giấy tờ nhà đất đối với 02 thửa đất trên, anh Đ có đưa bà L trước số tiền 500.000.000 đồng, vào ngày 05/6/2023, có lập biên nhận, hứa đến ngày 26/5/2023 sẽ đưa thêm số tiền 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.100.000.000 đồng sẽ đưa đủ từ ngày 15/12/2023 AL đến ngày 20/12/2023 AL, sau khi bà L nhận số tiền 500.000.000 đồng từ anh Đ thì anh Đ có yêu cầu bà L ký ủy quyền cho anh Đ tại Văn phòng C để anh Đ thay mặt bà L thực hiện thủ tục giấy tờ nhà đất. Khi ký ủy quyền thì bà L không biết, mãi sau này khi phát hiện anh Đ đã chuyển nhượng 02 thửa đất của bà L cho người khác mà không phải là anh Đ thì bà L mới được biết là anh Đ cho chị ký hợp đồng ủy quyền toàn phần số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD gồm cả việc ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mục đích ký hợp đồng ủy quyền là để anh Đ thay mặt bà L và chồng bà L là anh T làm thủ tục giấy tờ, chứ không phải để thực hiện các giao dịch chuyển nhượng.

Cũng trong ngày 05/6/2023, dựa vào giấy ủy quyền bà L vừa ký cho anh Đ, anh Đ đã tiến hành ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với 02 thửa đất kể trên cho bà Trần Thị Bạch V mà không thông qua sự đồng ý của bà L.

Khi bà L phát hiện sự việc bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh Đ hủy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà L cho bà V nhưng anh Đ cố tình trốn tránh và không thực hiện việc hủy hợp đồng chuyển nhượng. Khi ký kết hợp đồng thì không có thỏa thuận thù lao gì, vì chỉ nghĩ Đ là cháu, còn trẻ ký để cho Đ tự đi làm giấy tờ sang cho Đ cho dễ, Đ giao tiền đủ là được.

Việc làm của anh Đ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên buộc lòng bà L phải nhờ đến Tòa án giải quyết. *Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:*

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Phan Thanh T ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Đ.

- Yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 722, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Về việc giữa bà L, anh T và anh Đ có việc chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên và anh Đ có giao bà L số tiền 500.000.000 đồng, bà L và anh T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này anh Đ có yêu cầu giải quyết thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, anh Đ có bản tự khai trình bày như sau:*

Ngày 05/6/2023, anh Đ có mua miếng đất của cô anh Đ là bà Nguyễn Thị Thùy L, nhưng vì chưa đủ tiền thanh toán một lần nên anh Đ đã nhờ cô anh Đ là bà L ký ủy quyền toàn phần cho anh Đ, và anh Đ đã mang cầm toàn phần cho bà Trần Thị Bạch V (1957) với số tiền 1.000.000.000 đồng, dưới hình thức mua chuyển nhượng. Sau đó, anh Đ có đưa lại cho bà L số tiền 500.000.000 đồng, còn thiếu lại bà L 1.600.000.000 đồng, trong tổng số tiền mua đất của cô L là 2.100.000.000 đồng và có hẹn sẽ thanh toán đủ cho bà L trước tết năm 2024. Sau đó, trong quá trình làm ăn, công việc anh Đ không suôn sẻ, nên phần tiền lãi mỗi tháng anh Đ vẫn còn thiếu của bà V, anh Đ và bà V có thống nhất cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc để dễ tính. Gần đây, mẹ anh Đ qua đời, do cú sốc quá lớn nên anh Đ có tắt máy, không liên lạc với ai, nên giữa anh Đ, bà V, bà L xảy ra hiểu lầm tranh chấp. Nay anh Đ xin đưa ra hướng giải quyết: anh Đ xin bà L và bà V cho anh Đ 90 ngày để xử lý, thanh lý tài sản để có tiền trả cho bà V, chuộc sổ lại và thanh toán số tiền còn thiếu cho bà L, nếu sau 90 ngày anh Đ không thực hiện những gì đã nói ở trên, anh Đ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Anh Đ xin chân thành cảm ơn bà L đã thông cảm cho anh Đ những khó khăn vừa qua.

Xin thời gian để xử lý những rắc rối không đáng có. Xin cảm ơn bà V. Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C: Đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh T trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy L là chị Phan Thị Ngọc N. Ngoài ra, không trình bày gì thêm khác.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị Bạch V là anh Phạm Ngọc D trình bày:*

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 25/12/2023 của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Bà L có nhờ anh Nguyễn Thành Đ giúp chị Nguyễn Thị Thùy L thực hiện thủ tục giấy tờ nhà đất đối với 02 thửa đất số 722, 676, cùng tờ bản đồ số 13 - Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp), nên ngày 05/6/2023 bà L có đến Văn phòng C để ký hợp đồng ủy quyền số 008594 ngày 05/6/2023.

- Cùng ngày 05/6/2023, anh Nguyễn Thành Đ thay mặt chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Phan Thanh T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Bạch V mà không có sự đồng ý của chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Phan Thanh T.

Lời trình bày trên của chị Nguyễn Thị Thùy L, nay bà Trần Thị Bạch V có ý kiến như sau:

- Bà Trần Thị Bạch V, chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Phan Thanh T, anh Nguyễn Thành Đ (người nhận ủy quyền của bà L, anh T) và con ruột của bà V là Nguyễn Trần T1 - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Số E Đ, phường E, TP ., tỉnh Tiền Giang ngồi tại nhà chị Nguyễn Thị Thùy L (nhà cất trên thửa đất 722, 676) để bàn bạc về giá nhà đất khi mua bán, thống nhất giá cả xong, chị Nguyễn Thị Thùy L với anh Phan Thanh T mới đến Văn phòng C ký Giấy ủy quyền cho Nguyễn Thành Đ để Nguyễn Thành Đ thay mặt chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Phan Thanh T thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 thửa đất và tài sản trên 02 thửa đất trên cho bà V.

- Nên ngày 05/6/2023, anh Nguyễn Thành Đ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 02 thửa đất số 722, 676 cho bà V. Hợp đồng được Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 008597 ngày 05/6/2023, cùng ngày bà V đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thành Đ (là người nhận ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Phan Thanh T).

- Chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày trong đơn khởi kiện là bà L không biết việc bà L ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Đ thay bà để thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, 676 cho bà Trần Thị Bạch V là: Không đúng.

Về yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng Nguyễn Thị Thùy L, Phan Thanh T (do Nguyễn Thành Đ đại diện theo ủy quyền ký) với bên nhận chuyển nhượng là Trần Thị Bạch V được Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 008597 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2023 là hợp pháp, có hiệu lực, để bà V được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nộp hồ sơ sang tên quyền sử dụng đất, đăng ký, kê khai, xin cấp và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 722, 676, cùng tờ bản đồ số 13 - Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Yêu cầu Nguyễn Thị Thùy L, Phan Thanh T, Nguyễn Thành Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 008597 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2023 di dời đồ đạc rời khỏi 02 thửa đất số 722, 676 để giao cho bà V 02 thửa đất số 722, 676, cùng tờ bản đồ số 13 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, trang trại chăn nuôi - Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp) để bà V được trực tiếp quản lý, sử dụng, bà V không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho bà L và anh T.

Các yêu cầu trên của bà V xin được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597 ngày 05/6/2023 là vô hiệu cho bà V như sau:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L, bà V có ý kiến như sau:

- Nguyễn Thị Thùy L đã ký Hợp đồng ủy quyền số 008594 ngày 05/6/2023 để ủy quyền cho Nguyễn Thành Đ được toàn quyền định đoạt 02 thửa đất số 722, 676.

- Tiếp theo, Nguyễn Thành Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có số công chứng 008597 ngày 05/6/2023 để chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, 676 và tài sản trên đất cho bà V với giá 1.000.000.000 đồng, bà V đã thanh toán đủ tiền cho Nguyễn Thành Đ.

- Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền số 008594 ngày 05/6/2023 vẫn còn hiệu lực, không bị tranh chấp tại Tòa án.

2. Về lời trình bày của Nguyễn Thành Đ tại “Tờ tự khai” đề ngày 02/02/2024

Nhận thấy: Nguyễn Thành Đ thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 722, 676 cho bà V, có nhận của bà V số tiền 1.000.000.000 đồng, khi nhận của bà V số tiền 1.000.000.000 đồng, khi nhận được tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất về có giao cho bà L 500.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thành Đ trình bày cho rằng: Việc nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của bà V là tiền vay, việc ký hợp đồng chuyển nhượng 02

thửa đất số 722, 676 là để làm tin cho số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Lời trình bày này của Nguyễn Thành Đ, bà V có ý kiến như sau:

- Bà V nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, 676 là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thật sự, không có che giấu hợp đồng vay.

- Bà V đã giao cho Nguyễn Thành Đ đủ 1.000.000.000 đồng là tiền nhận chuyển nhượng 02 thửa đất, không phải tiền cho vay.

- Nguyễn Thành Đ trình bày vay của bà V 1.000.000.000 đồng, ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất 722, 676 nhưng Nguyễn Thành Đ không có tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày ở trên. Nên không có căn cứ xác định số tiền bà V giao cho Nguyễn Thành Đ 1.000.000.000 đồng là tiền vay được.

3. Về yêu cầu khởi kiện độc lập của Trần Thị Bạch V và yêu cầu xử lý hậu quả trong trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được ký kết giữa bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị Thùy L, Phan Thanh T (Có Nguyễn Thành Đ là đại diện ủy quyền) với Trần Thị Bạch V được Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 008597 ngày 05/6/2023.

- Trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với lý do: Khi nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, 676 mà không thỏa thuận tài sản trên đất như: nhà ở, ao nuôi cá sấu, ... thì bà V yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bà V có yêu cầu cụ thể như sau:

- Bà V không yêu cầu Tòa án định giá lại 02 thửa đất, định giá đất được Hội đồng định giá ngày 04/4/2024.

- Yêu cầu Nguyễn Thị Thùy L, Phan Thanh T, Nguyễn Thành Đ phải liên đới giao trả lại cho bà V số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.000.000.000 đồng.

- Yêu cầu Nguyễn Thị Thùy L, Phan Thanh T, Nguyễn Thành Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà V. Cụ thể: Thửa đất số 722, 676 định giá ngày 04/4/2024 là $5.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 608,5 \text{ m}^2 = 3.042.500.000 \text{ đồng}$ - 1.000.000.000 đồng phải hoàn trả lại cho tôi, còn lại 2.042.500.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại cho bà V 60% là 1.225.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà V yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là 2.225.500.000 đồng (Trong đó: Trả lại số tiền giao nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.000.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại là 1.225.500.000 đồng).

Các yêu cầu trên của bà V xin được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 300/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp đã căn cứ vào các Điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 124, 131, 463, 466, 562, 500, 501, 502, 428, 569 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

- Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C về việc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Phan Thành T2 ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Đ ngày 05/6/2023.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 số 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07790 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên vô hiệu.

- Anh Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho bà V số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là 462.587.000 đồng.

- Bà V có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m², loại đất sản xuất kinh doanh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², loại đất trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2.

- Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, trả giấy ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bạch V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch V kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc D tranh luận:* Bà V giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa bên chuyển nhượng là bà L, ông T2 có ông Đ là đại diện theo ủy quyền và bên nhận chuyển nhượng là bà V theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền

sử dụng đất đối với thửa đất số 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07790 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên. Trường hợp Tòa tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì buộc bên chuyển nhượng là ông Đ, ông T2, bà L Phải liên đới trả cho bà V 1.000.000.000 đồng đã nhận và bồi thường 60% thiệt hại thực tế với số tiền 1.225.500.000 đồng, tổng cộng là 2.225.500.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm nhận định “*Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của bà V là ông D trình bày thêm là bà V không có thỏa thuận gì đối với tài sản trên đất, chuyển khoản cho anh Đ số tiền 560.000.000 đồng, còn lại đưa bằng tiền mặt nhưng không có làm giấy tờ gì, ngoài giao dịch này thì giữa bà V và anh Đ không có giao dịch nào khác*” là không chính xác, không đúng ý ông D trình bày. Ông D khẳng định bà V và bên ông T2, bà L do ông Đ đại diện có thỏa thuận chuyển nhượng nhà và công trình trên đất nhưng không có lập thành văn bản nên bà V không cung cấp được cho Tòa.

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc N tranh luận:* Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V. Bà V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền mua đất và tài sản trên đất là 1.000.000.000 đồng nếu có thì giá này cũng rất thấp so với mức giá được định giá. Bà L, ông T2 không có nhận tiền từ việc ông Đ cầm cố đất cho bà V vay số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền 500.000.000 đồng mà ông Đ đưa cho bà L, ông T2 là tiền ông Đ đặc cọc mua hai thửa đất 722 và 676 của bà L, ông T2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T tranh luận:* Ông T bà L có nhờ ông Đ đứng ra bán giúp hai thửa đất 722 và 676 vì ông Đ là chủ đất. Ông không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà V, ông thống nhất theo ý kiến của bà L do bà N đại diện trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Tổ tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 300/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp. Buộc bà L, ông T và ông Đ liên đới trả cho bà V số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận của bà V và lãi tính từ ngày nhận tiền đến khi xét xử sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về “*Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 26/9/2025, Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp ban hành bản án số 300/2025/DSST, đến ngày 06 tháng 10 năm 2025, bà Trần Thị Bạch V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của bà V còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục kháng cáo thông thường.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về hợp đồng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Phan Thanh T ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản theo đúng mẫu quy định, được công chứng nên đảm bảo về mặt hình thức.

- Về nội dung: Các bên thực hiện hoàn toàn tự nguyện đã được giải thích về quyền nghĩa vụ của mình, nội dung ủy quyền không vi phạm quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày công chứng.

[3.2]. Về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 722, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp) ký giữa ông Nguyễn Thành Đ là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T là bên chuyển nhượng đối với bên nhận chuyển nhượng là bà Trần Thị Bạch V:

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản theo đúng mẫu quy định, được công chứng nên đảm bảo về mặt hình thức.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T đã ký Hợp đồng ủy quyền số 008594 ngày 05/6/2023 để ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Đ được toàn quyền định đoạt 02 thửa đất số 722, 676. Tiếp theo, ông Nguyễn Thành Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có số công chứng 008597 ngày 05/6/2023 để chuyển nhượng 02 thửa đất số 722, 676 và tài sản trên đất cho bà V với giá 1.000.000.000 đồng, bà V đã thanh toán đủ tiền cho Nguyễn Thành Đ. Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền số 008594 ngày 05/6/2023 vẫn còn hiệu lực, không bị tranh chấp tại Tòa án. Đại diện theo ủy quyền của bà V là ông D khẳng định bà V khi nhận chuyển nhượng đất có đến xem đất và có thỏa thuận miệng việc chuyển nhượng tài sản trên đất là căn nhà và công trình chuồng trại, do thỏa thuận miệng nên không thể cung cấp văn bản chứng minh. Bà V đã chuyển khoản cho anh Đ số tiền 560.000.000 đồng, còn lại đưa bằng tiền mặt, ngoài giao dịch này thì giữa

bà V và anh Đ không có giao dịch nào khác. Ông Đ thừa nhận tại bản tự khai cho rằng có nhận của bà V tổng cộng 1.000.000.000 đồng gồm vốn vay và lãi nhưng ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền trên là tiền vay trong khi cùng ngày ông Đ nhận tiền do bà V chuyển vì trước đó ông Đ có ký hợp đồng chuyển nhượng hai thửa đất 722 và 676 cho bà V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L, ông T đến nay phía bà V vẫn còn giữ, do bà L ngăn chặn ở Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G nên không sang tên được. Như vậy, xác định giữa ông Đ và bà V có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 722, 676 đang tranh chấp, không có xác lập hợp đồng vay tài sản. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2024 trên 02 thửa đất 722, 676 có căn nhà và chuồng trại nên việc các bên không có thỏa thuận chuyển nhượng nhà và chuồng trại dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự.

[3.3]. Đối với việc nguyên đơn bà L và bị đơn ông Đ khẳng định ông Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 722, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp) ký giữa ông Nguyễn Thành Đ là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T là bên chuyển nhượng đối với bên nhận chuyển nhượng là bà Trần Thị Bạch V nhằm để che giấu hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và bà V là không có căn cứ vì: Bà L, ông T cũng như ông Đ không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh giữa ông Đ và bà V có xác lập quan hệ vay tiền và việc ký hợp đồng chuyển nhượng đất để đảm bảo cho hợp đồng vay, việc này cũng không được bên bà V thừa nhận.

[3.4]. Về trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ khi hợp đồng vô hiệu: Cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Đ trả tiền vay cho bà V là chưa thỏa đáng vì tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận ông và bà L ủy quyền cho ông Đ thay mặt ông bà chuyển nhượng hai thửa đất 722 và 676 đang tranh chấp vì ông Đ là cò đất nên rành việc mua bán. Hợp đồng ủy quyền của ông T, bà L cho ông Đ có hiệu lực tại thời điểm ông Đ ký chuyển nhượng hai thửa đất 722 và 676 cho bà V. Ông Đ sau khi chuyển nhượng đất có giao cho bà L 500.000.000 đồng nên bà L, ông T, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trong việc ông Đ ký hợp đồng chuyển nhượng đất, cụ thể bà L, ông T phải có trách nhiệm cùng ông Đ trả tiền chuyển nhượng đất đã nhận và bồi thường thiệt hại khi hợp đồng vô hiệu cho bà V.

[3.5]. Nguyên đơn bà L yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà L, ông T do ông Đ đại diện ký với bà V được ông Đ đồng ý và hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[3.6]. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Xét thấy, các bên đều biết trên đất có nhà và chuồng trại nhưng không có thỏa thuận chuyển nhượng nên dẫn đến hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được. Như vậy,

cả hai bên đều có lỗi ngang nhau dẫn đến hợp đồng vô hiệu nên phải chịu 50% thiệt hại thực tế xảy ra. Do hợp đồng vô hiệu nên buộc bên chuyển nhượng là bà L, ông T và ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà V số tiền chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng và liên đới bồi thường cho bà V 50% thiệt hại thực tế. Thửa đất số 722, 676 theo kết quả định giá ngày 04/4/2024 là 5.000.000 đồng/m² x 608,5 m² = 3.042.500.000 đồng - 1.000.000.000 đồng phải hoàn trả lại cho bà V, còn lại 2.042.500.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại cho bà V 50% là 1.021.250.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả lại và bồi thường cho bà V là 2.021.250.000 đồng. Do bà V chưa nhận đất nên không buộc giao trả đất cho bên bà L ông T. Ghi nhận việc bà V tự nguyện giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất 722 và 676 khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.7]. Từ nhận định nêu trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 300/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L: Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C về việc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Phan Thành T2 ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Đ ngày 05/6/2023. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 số 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07790 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên vô hiệu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch V: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T và ông Nguyễn Thành Đ phải liên đới trả cho bà V số tiền chuyển nhượng đất là 1.000.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 1.021.250.000 đồng, tổng cộng 2.021.250.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận việc bà V trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m², loại đất sản xuất kinh doanh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², loại đất trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2 khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Đ phải chịu riêng 600.000 đồng án phí đối với hai yêu cầu của nguyên đơn

bà L được chấp nhận. Ông Đ còn phải liên đới cùng bà L, ông T2 chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V là 2.021.250.000 đồng.

[4]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ pháp luật, phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Bạch V được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí, bà V được miễn tạm ứng án phí.

[6]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không liên quan kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 124, 131, 463, 466, 562, 500, 501, 502, 428, 569 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch V. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 300/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L.

- Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số công chứng 008594, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C về việc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Phan Thành T2 ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Đ ngày 05/6/2023.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 008597, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 số 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07790 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên và thửa đất số 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17/6/2014 cho bà L và ông T2 đứng tên vô hiệu.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch V:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T và ông Nguyễn Thành Đ phải liên đới trả cho bà V số tiền chuyển nhượng đất là 1.000.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 1.021.250.000 đồng, tổng cộng 2.021.250.000 đồng.

- Ghi nhận việc bà V trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 722, tờ bản đồ số 13, diện tích 271,3m², loại đất sản xuất kinh doanh, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 676, tờ bản đồ số 13, diện tích 337,2m², loại đất trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy ngày 17/6/2014 cho Nguyễn Thị Thùy L và Phan Thành T2.

- Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 600.000 đồng án phí.

- Bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Phan Thanh T và ông Nguyễn Thành Đ phải liên đới chịu: 72.420.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009160 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Vậy bà L, ông T và ông Đ còn phải liên đới nộp tiếp 71.820.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Bạch V không phải chịu án phí.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Án tuyên lúc 15 giờ 45 phút và kết thúc lúc 16 giờ cùng ngày 28/5/2026, có mặt bà N, bà L, ông T và ông D, các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 2 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 2 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;
- TK Khanh - 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Tính